TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 02 – 12 -2020
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đường
2. Ông Điểu Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXX - ST ngày 10 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Quách Thị H, sinh năm 1971
HKTT: Khu phố 9, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã C, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.
Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1970
Địa chỉ: Khu phố 9, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Quách Thị H trình bày:

Bà và ông Trần Văn H sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã Phước Long vào ngày 05/10/2010, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 102, quyển số 01. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn sự cảm thông, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Đỉnh điểm mâu thuẫn là vào cuối năm 2019 bà H về quê chăm mẹ bà bị gãy chân ông H không quan tâm, hỏi thăm mà nộp đơn ly hôn với bà nhưng sau đó ông H rút đơn. Bà ở lại quê chăm sóc mẹ và sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H không có con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 15/10/2020, bị đơn ông Trần Văn H trình bày:

Ông H và bà H tự nguyên kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã Phước Long vào ngày 05/10/2010, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 102, quyển số 01. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2019 bà H về chăm mẹ bị bệnh ở Thái Bình không quay về ở với ông nữa, Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn. Ông cũng nhiều lần liên lạc với bà H để khuyên nhủ về lại sống cùng nhau xây dựng hạnh phúc nhưng bà H không đồng ý. Nay bà H nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông, ông nhận thấy không thể tiếp tục đời sống chung với bà H được nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng nên ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H không có con chung.

Về tài sản chung: Ông H và bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án "Ly hôn", bị đơn cư trú tại thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Quách Thị H và ông Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào năm 2010. Hội đồng xét xử xét thấy: quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

Về tình trạng hôn nhân của bà H và ông H: bà H và ông H đều khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã tự sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, nay ông H cũng đồng ý ly hôn với bà H. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông H, bà H trình bày không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Ông H, bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về nợ chung: Ông H, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về quan điểm của Kiểm sát viên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, bà Quách Thị H được ly hôn với ông Trần Văn H.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Quách Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006xxx ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt